TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HS-PT
Ngày 18/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

Các Thẩm phán: Ông Lê Thanh Vũ;

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Bích Trâm - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Ngà - Kiểm sát viên.

- Người tiến hành tố tụng khác tại điểm cầu thành phần: Ông Nguyễn Duy Khánh - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (điểm cầu trung tâm) và Phân trại tạm giam thành phố Sóc Trăng thuộc Trại tạm giam Công an tỉnh Sóc Trăng (điểm cầu thành phần), xét xử phúc thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 30/2025/TLPT-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025, đối với các bị cáo Trịnh Thị Thùy L và Trần Hoài N, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2025/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trịnh Thị Thùy L, sinh ngày 28/12/1996, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Phòng số 3, nhà trọ số 14, đường L, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn) 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn Kh và bà Trịnh Thị Kim Ph; có chồng, đã ly hôn và 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 18 tháng 9 năm 2024, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Hoài N, sinh ngày 08/6/1995, tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: Phòng số 3, nhà trọ số 14, đường L, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: Làm thuê; trình

độ văn hoá (học vấn) 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh Th và bà Trần Mộng P; vợ và con chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 18 tháng 9 năm 2024, sau đó thay đổi biện pháp ngăn chặn, cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27 tháng 9 năm 2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nhận được tin tố giác của quần chúng nhân dân tại khu vực nhà trọ số 14, đường L, khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thường xuất hiện một số đối tượng có biểu hiện nghi vấn tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy nên Đội cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế - ma túy Công an thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tiến hành xác minh và phục kích. Đến khoảng 13 giờ 50 phút, ngày 18/9/2024, Công an phát hiện Trần Hoài N đang điều khiển xe mô tô biển số 83G1-064.XX chở Trịnh Thị Thùy L ngồi sau có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. Lúc này, L ném 01 gói nylon trong được hàn kín bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng vào chậu cây kiểng, dính vào chiếc lá trên cây gần vị trí dừng xe; nghi vấn gói nylon L ném là ma túy nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ và niêm phong gói nylon ký hiệu "MT".

Tại Kết luận giám định số 184/KLMT-KTHS, ngày 23/9/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận: Mẫu tinh thể rắn màu trắng được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1820 gam, loại Methamphetamine.

Qua điều tra xác định, N và L chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà trọ số 14, đường L, khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 18/9/2024, L kêu N chở L đến phòng trọ của Trương Thị Nh và La Ngọc T, ở số 604/30, đường L, khóm A, Phường B, thành phố S để mua ma túy sử dụng thì N đồng ý. Do trước đó L có đến nhà trọ của Nh mua ma túy nhiều lần nên biết Nh có bán ma túy. Sau đó, N điều khiển xe mô tô biển số 83G1-064.XX chở L đến phòng trọ của Nh. Khi đi đến khu vực cổng nhà trọ, N dừng xe rồi đi bộ vào khu vực bên trong, đến phòng trọ số 13, lúc này phòng trọ đóng cửa, N đứng trước cửa phòng nói vào bên trong phòng hỏi mua 200.000 đồng ma túy thì bên trong phòng trọ có giọng người thanh niên nói đồng ý bán, N đưa tiền 200.000 đồng qua lỗ nhỏ ở ngay cửa kéo vào bên trong, người thanh niên trong phòng trọ lấy tiền rồi đưa qua lỗ nhỏ cho N 01 gói ma túy đá. Sau khi mua ma túy, N đem gói ma túy đưa cho L cầm, rồi điều khiển xe chở L về lại nhà trọ. Khi về đến khu vực nhà trọ thì bị Công an bắt, thu giữ gói ma túy mà N và L vừa mới mua.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra tạm giữ 01 gói niêm phong vụ số 184/2024, ngày 26/9/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sóc Trăng có chữ ký ghi họ tên Giám định viên Phạm Thanh Trường S, trợ lý giám định

Nguyễn Văn Đ, Công an thành phố Sóc Trăng Trần Văn R và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu xanh, biển số 83G1-064.XX.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2025/HS-ST ngày 24/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Thị Thùy L và Trần Hoài N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Trịnh Thị Thùy L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2024. Xử phạt bị cáo Trần Hoài N 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị bắt để chấp hành án, được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 18/9/2024 đến ngày 27/9/2024. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Đối với các đối tượng Trương Thị Nh và La Ngọc T là người bán ma túy cho L và N, đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sóc Trăng khởi tố về tội mua bán trái phép chất ma túy trong vụ án hình sự khác nên không xem xét trong vụ án này.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Trong ngày 24/01/2025, bị cáo L có đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ngày 04/02/2025, bị cáo N cũng có đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo L và N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng trình bày quan điểm: Kháng cáo của bị cáo L và N là hợp pháp. Về nội dung kháng cáo, bị cáo L xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo N xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Trịnh Thị Thùy L và Trần Hoài N đảm bảo đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức và nội dung kháng cáo tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm

2021). Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo.

[2] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo L và N đều thừa nhận: Cả hai chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà trọ số 14, đường L, Khóm X, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Vào khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 18/9/2024, L kêu N chở L đến phòng trọ của Trương Thị Nh và La Ngọc T, ở số 604/30, đường L, khóm A, Phường B, thành phố S để mua ma túy sử dụng thì N đồng ý. N điều khiển xe mô tô biển số 83G1-064.XX chở L đến chỗ Nh mua 01 gói ma túy đá với giá 200.000 đồng; khi mua xong, L và N quay về đến khu vực nhà trọ thì bị công an bắt giữ, thu giữ và niêm phong gói ma túy vừa mới mua (ký hiệu "MT").

[3] Tại Kết luận giám định số 184/KLMT-KTHS, ngày 23/9/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận: Mẫu tinh thể rắn màu trắng được niêm phong gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1820 gam, loại Methamphetamine.

[4] Như vậy, L và N mua ma túy, mục đích về sử dụng, với khối lượng 0,1820 gam loại Methamphetamine, đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), cụ thể: *"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:....c)...Methamphetamine,...có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 giam;"*. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên bố cả hai bị cáo L và N đều phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo L, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo; có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự, là đúng quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), đồng thời xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[6] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo N, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo cũng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo; có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có công với cách mạng có ông nội được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, là đúng quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

đồng thời xử phạt bị cáo 02 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo. Xét các lý do bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo như: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo làm thuê làm mướn, không có đất canh tác, là lao động chính sống với ông bà ngoại đã già yếu, bị bệnh tật, không ai chăm sóc, thì đây không phải tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; lý do bị cáo thành khẩn khai báo đã được cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng cho bị cáo rồi; còn lý do bị cáo phạm tội lần đầu cũng không đủ điều kiện để áp dụng, bởi điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, còn bị cáo phạm tội lần đầu nhưng thuộc trường hợp nghiêm trọng chứ không phải ít nghiêm trọng; mặt khác, tội bị cáo phạm là tội nghiêm trọng có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, nếu cho bị cáo hưởng án treo thì không đủ sức răn đe, không đảm bảo cho công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm về ma túy ở địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2021), không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các bị cáo L và N, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo không được cấp phúc thẩm chấp nhận và giữ nguyên theo quyết định của bản án sơ thẩm, các bị cáo cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm, cho nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[9] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2021).

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Trịnh Thị Thùy L, về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Trần Hoài N, về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2025/HS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trịnh Thị Thùy L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 18 tháng 9 năm 2024.

3. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Hoài N 02 (hai) năm tù, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc ngày bị bắt đi thi hành án. Thời gian bị tạm giữ từ ngày 18 tháng 9 năm 2024 đến ngày 27 tháng 9 năm 2024 được khấu trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

4. Các phần Quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trịnh Thị Thùy L phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Bị cáo Trần Hoài N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)*.

6. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 - TANDTC (01);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- VKSND thành phố Sóc Trăng (01);
- TAND thành phố Sóc Trăng (02);
- Chi cục THADS thành phố S (01);
- Bị cáo (02);
- Phân trại tạm giam thành phố Sóc Trăng - Trại tạm giam Công an tỉnh Sóc Trăng (02);
- CQTHAHS - Công an tỉnh Sóc Trăng (02);
- Lưu: HSVA, THS (04).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Lâm